

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Củng cố khắc sâu bảng nhân 9. Làm các bài tập có liên quan đến bảng nhân 9

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Giáo viên:
- Học sinh:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**1. Khởi động:** Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.

+ Hướng dẫn HS ôn tập bảng nhân 9:

- Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng nhân 9
- GV yêu cầu 1 HS đọc thuộc bảng nhân 9.
- HS nêu đặc điểm của bảng nhân 9.

=> GV chốt KT: Bảng nhân 9 có các TS thứ nhất đều là 9, các TS thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10, dãy tích là dãy số đếm thêm 9 đơn vị từ 9 đến 90.

2. Luyện tập:

Bài 1:

- GV yêu cầu mỗi HS nêu 1 phép nhân trong bảng nhân chín.
- GV ghi bảng các phép tính mà HS vừa nêu.
- GV yêu cầu HS đọc lại các phép tính trên bảng..
- Các phép tính trên thuộc bảng nhân nào?
- Bảng nhân 9 có gì đặc biệt?

=> Củng cố việc ghi nhớ bảng nhân 9.

- HS hỏi đáp nhau về bảng nhân 9.

- HS đọc thuộc bảng nhân 9.

- Bảng nhân 9 có các TS thứ nhất đều là 9, các TS thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10, dãy tích là dãy số đếm thêm 9 đơn vị từ 9 đến 90.

- HS nêu.

- HS nêu lại các phép nhân.

- HS đọc lại các phép tính trên bảng.

- Bảng nhân 9.

- Bảng nhân 9 có các TS thứ nhất đều là 9, các TS thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10, dãy tích là dãy số đếm thêm 9 đơn vị từ 9 đến 90.

Bài 2: Tính a. $9 \times 5 + 9 =$ b. $9 \times 4 + 9 =$ c. $9 \times 7 + 9 =$ - Đọc dãy tính phần a. - Dãy tính trên có mấy phép tính, là những phép tính nào? - Em thực hiện các phép tính trên theo thứ tự ntn? - GV yêu cầu HS làm bài vào vở. - GV thu, chữa một số bài và nhận xét. => <i>Chốt: Cách lập bảng nhân 9, ghi nhớ bảng nhân 9.</i>	- HS nêu yêu cầu của bài tập. - HS đọc dãy tính phần a. - Có hai phép tính nhân và cộng.. - Làm phép tính nhân trước, cộng sau. - HS làm bài vào vở.
Bài 3: Mỗi can có 9 lít dầu. Hỏi 6 can như vậy có bao nhiêu lít dầu? - Yêu cầu HS đọc đề. - GV yêu cầu một số cặp nêu cách làm bài toán. - GV cùng HS tóm tắt bài toán. 1 can: 9l dầu 6 can: ...l dầu? - GV chữa bài, nhận xét. => <i>GV chốt KT: Cũng cố giải toán có lời văn bằng 1 phép tính nhân trong bảng nhân 9.</i> * Bài 4: Tìm một số biết rằng lấy số đó chia cho 5 thì được kết quả là 100 bớt đi 91 đơn vị.	- HS đọc đề bài + Phân tích đề theo cặp để tìm cách giải. - Đại diện một số cặp nêu cách làm bài toán. - 1 HS lên làm bảng lớp, cả lớp làm vào vở. Bài giải Sáu can như vậy có số lít dầu là: $9 \times 6 = 54 (l)$ Đáp số: 54 l dầu?
3. Vận dụng Bài 5: Dựa vào bảng nhân 9, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó. - YCHS suy nghĩ lập đề toán. - Gọi HS nêu đề toán. - GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải. VD1: Mỗi cháu được chia 9 chiếc kẹo. Hỏi 4 cháu được chia bao nhiêu chiếc kẹo? VD2: Mỗi đoạn thẳng dài 9cm. Hỏi 3 đoạn thẳng như thế dài bao nhiêu xăng-ti-mét? GV và HS nhận xét, tuyên dương.	- HS nêu yc. - HS suy nghĩ lập đề bài. - HS nêu đề toán. - HS tự giải bài toán. - Nhận xét, đánh giá. - HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn.

4. Củng cố dặn dò:

- HS đọc lại bảng nhân 9.
- Nhắc HS chuẩn bị bài sau: Gấp một số lên một số lần.

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Bảng chia 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về bảng chia 3, giải toán có phép tính chia trong bảng chia 3.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chia sẻ: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Bảng phụ ghi bài tập 2.

2. Học sinh: Vở ghi

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Khởi động:

+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.

+ Hướng dẫn HS ôn tập bảng chia 3:

- Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng chia 3

- HS đọc thuộc bảng chia 3

- HS nêu đặc điểm của bảng chia 3?

- HS hỏi đáp nhau về bảng chia 3.

- HS đọc thuộc bảng chia 3.

- Bảng chia 3 số bị chia là dãy số đếm thêm 3 đơn vị từ 3 đến 30, các số chia đều là 3, các tích là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10.

- Nhận xét.

=> GV chốt KT: Bảng chia 3 số bị chia là dãy số đếm thêm 3 đơn vị từ 3 đến 30, các số chia đều là 3, các tích là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10.

2. Luyện tập

Bài 1: Tính nhẩm

$$6 : 3 = \quad 15 : 3 = \quad 18 : 3 =$$

$$12 : 3 = \quad 24 : 3 = \quad 3 : 3 =$$

$$27 : 3 = \quad 9 : 3 = \quad 21 : 3 =$$

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.

- Gọi 1 HS lên bảng làm, ở dưới làm

- HS nêu yêu cầu bài.

- HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.

vào vở.

- Nhận xét, nêu cách làm.

=> GV chốt KT: Các phép tính BT1 là các phép chia trong bảng chia 3.

Bài 2: Số? (GV treo bảng phụ)

$$\dots : 3 = 6 \qquad 4 = 12 : \dots$$

$$9 : \dots = 3 \qquad 5 = \dots : 5$$

$$30 : \dots = 10 \qquad 9 = 27 : \dots$$

- Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài.

- Yêu cầu HS làm bài.

- Nhận xét, nêu cách làm.

=> GV chốt KT: Củng cố bảng chia 3.

Bài 3: Có 24 quả cam, chia đều vào 3 đĩa. Hỏi mỗi đĩa có bao nhiêu quả cam?

- Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì ?

- Có tất cả bao nhiêu quả cam?

- Chia đều vào mấy đĩa?

- Muốn biết mỗi đĩa có bao nhiêu quả cam ta làm phép tính gì?

- YC HS tự tóm tắt và trình bày bài giải vào vở.

- Nhận xét. HS nêu cách làm.

- HS nêu yêu cầu bài.

- HS làm bài.

- HS giải thích cách điền: Dựa vào bảng chia 3 để tìm số bị chia và số chia.

- Nhận xét.

Hỏi mỗi đĩa có bao nhiêu quả cam?

- HS đọc đề.

- Có tất cả 24 quả cam.

- Chia đều vào 3 đĩa.

- Làm phép tính chia.

- HS tóm tắt và trình bày bài giải vào vở.

24 quả cam: 3 đĩa

1 đĩa: ... quả cam?

Bài giải

Một đĩa có số quả cam là:

$$24 : 3 = 8 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 8 quả cam.

- 1 HS lên bảng chữa bài, nhận xét.

- HS lập đề toán tương tự, giải.

=> GV chốt KT: Củng cố giải toán có phép chia (trong bảng chia 4).

* Bài 4: Tìm một số, biết rằng lấy số đó nhân với 3 được kết quả là 27.

- Gọi HS nêu yêu cầu của bài.

- GV YC:

- YC 1 HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.

- GV + HS nhận xét.

=> Chốt đáp án đúng:

- HS nêu yêu cầu của bài.

- HS phân tích đề bài.

- 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài vào vở.

Bài giải

Số đó nhân với 3 thì được kết quả là 27 là:

$$27 : 3 = 9$$

Vậy số đó là 9.

* Bài 5: Tìm một số, biết rằng lấy số đó nhân 3 thì được kết quả là 10 cộng với 5.

- Gọi HS nêu yêu cầu của bài.

- GV YC:

- HS nêu yêu cầu của bài.

- HS phân tích đề bài.

- YC 1 HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.
- GV + HS nhận xét.
- => Chốt đáp án đúng:

- 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài vào vở.

Bài giải

Số đó nhân 3 thì được kết quả là 10 cộng với 5. Vậy kết quả là 15.

Vậy số đó là: $15 : 3 = 5$

Đáp số: 5

3. Vận dụng:

Bài 6: Dựa vào bảng chia 3, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.

- YCHS suy nghĩ lập đề toán.
- Gọi HS nêu đề toán.
- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.

- HS nêu yc.

- HS suy nghĩ lập đề bài.
- HS nêu đề toán, lớp nhận xét.
- HS tự giải bài toán.
- Nhận xét, đánh giá.

- HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn.

VD: Có 27 học sinh chia đều thành 3 tổ.
Hỏi mỗi tổ có mấy học sinh?

Tóm tắt

27 học sinh : 3 tổ

1 tổ: ... học sinh?

Bài giải

Mỗi tổ có số học sinh là:

$$27 : 3 = 9 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 9 học sinh.

=> GV chốt KT: Để tìm số học sinh của mỗi tổ ta thực hiện phép tính chia ($27 : 3$).

4. Củng cố, dặn dò:

- HS đọc lại bảng chia 3.
- Nhận xét tiết học.
- Dặn chuẩn bị bài sau: Bảng chia 4.

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Bảng chia 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về bảng chia 4, giải toán có phép tính chia trong bảng chia 4

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chia sẻ: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Bảng phụ ghi bài tập 2.

2. Học sinh: Vở ghi

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Khởi động:

+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.

+ Hướng dẫn HS ôn tập bảng chia 4:

- Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng chia 4

- HS đọc thuộc bảng chia 4.

- HS nêu đặc điểm của bảng chia 4.

- HS hỏi đáp nhau về bảng chia 4.

- HS đọc thuộc bảng chia 4.

- Bảng chia 4 số bị chia là dãy số đếm thêm 4 đơn vị từ 4 đến 40, các số chia đều là 4, các thương là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10.

- GV nhận xét.

=> GV chốt KT: Bảng chia 4 số bị chia là dãy số đếm thêm 4 đơn vị từ 4 đến 40, các số chia đều là 4, các thương là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10.

2. Luyện tập

Bài 1: Tính nhẩm

$$4 : 4 = \quad 12 : 4 = \quad 28 : 4 =$$

$$28 : 4 = \quad 36 : 4 = \quad 8 : 4 =$$

$$16 : 4 = \quad 28 : 4 = \quad 20 : 4 =$$

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.

- Gọi 1 HS lên bảng làm, ở dưới làm vào vở.

- Nhận xét, nêu cách làm.

=> GV chốt KT: Các phép tính BT1 là các phép chia trong bảng chia 4.

Bài 2: Số? (GV treo bảng phụ)

$$32 : \dots = 8 \quad 16 : \dots = 4$$

$$\dots : 4 = 8 \quad \dots : 4 = 7$$

$$24 : \dots = \dots \quad 4 : \dots = 1$$

- Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài.

- Yêu cầu HS làm bài.

- Nhận xét, nêu cách làm.

- HS nêu yêu cầu bài.

- HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.

- Nhận xét. HS nêu cách làm.

- HS nêu yêu cầu bài.

- HS làm bài.

- HS giải thích cách điền: Dựa vào bảng chia 4 để tìm số bị chia và số chia.

- Nhận xét.

=> GV chốt KT: Củng cố bảng chia 4.

Bài 3: Có 24 cái cốc, xếp đều vào 4 bàn. Hỏi mỗi bàn có mấy cái cốc?

- Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì?

- Có tất cả bao nhiêu cái cốc?

- Chia đều vào mấy bàn?

- HS đọc đề.

- Có tất cả 24 cái cốc.

- Chia đều vào 4 bàn.

- Muốn biết mỗi bàn có bao nhiêu cái cốc ta làm phép tính gì?
- YC HS trình bày bài giải vào vở.

- Làm phép tính chia.
- HS trình bày bài giải vào vở.

Bài giải

Một đĩa có số quả cam là:

$$24 : 3 = 8 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 8 quả cam.

- 1 HS lên bảng chữa bài, nhận xét.
- HS lập đề toán tương tự, giải.

=> GV chốt KT: *Củng cố giải toán có phép chia (trong bảng chia 4).*

*Bài 4: Có 16 quả bóng gồm bóng xanh, bóng đỏ, bóng vàng, bóng tím. Số bóng mỗi màu bằng nhau. Hỏi mỗi màu có mấy quả bóng?

- Gọi HS nêu yêu cầu của bài.
- GV YC:
- YC 1 HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.
- GV + HS nhận xét.
- => Chốt đáp án đúng:

- HS nêu yêu cầu của bài.
- HS phân tích đề bài.
- 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài vào vở.

Bài giải

Có 4 màu bóng, số bóng mỗi màu bằng nhau.

Vậy số bóng mỗi màu có là:

$$16 : 4 = 4 \text{ (quả bóng)}$$

Đáp số: 4 quả bóng

3. Vận dụng:

Bài 6: Dựa vào bảng chia 4, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.

- YCHS suy nghĩ lập đề toán.
- Gọi HS nêu đề toán.
- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.

- HS nêu yc.
- HS suy nghĩ lập đề bài.
- HS nêu đề toán, lớp nhận xét.
- HS tự giải bài toán.
- Nhận xét, đánh giá.
- HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn.

VD: Mỗi lớp có 28 HS xếp thành 4 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

Mỗi hàng có số học sinh là:

$$28 : 4 = 7 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 7 học sinh.

=> GV chốt KT: *Để tìm số học sinh của mỗi hàng ta thực hiện phép tính chia (28 : 4).*

4. Củng cố, dặn dò:

- HS đọc lại bảng chia 4.
- Nhận xét tiết học.
- Dặn chuẩn bị bài sau: Bảng chia 6.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Ôn về phép chia trong phạm vi bảng chia 6.
- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point; SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.
- HS: Vở ghi

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động:

- | | |
|---|---|
| - GV yêu cầu HS đọc nối tiếp bảng chia 6. | - Đọc nối tiếp bảng chia 6 trước lớp. |
| - GV hỏi HS một số phép tính trong bảng chia 6. | - HS nêu kết quả. |
| - GV hỏi HS về cách lập bảng chia 6. | - Dựa vào đồ dùng trực quan; dựa vào bảng nhân 6. |

2. Luyện tập:

Bài 1:

- | | |
|---|------------------------------|
| - GV yêu cầu mỗi HS nêu 1 phép chia trong bảng chia 6. | - HS nêu phép tính nối tiếp. |
| - GV ghi các phép tính lên bảng. | |
| - GV thêm yêu cầu để được yêu cầu của bài 1: Tính nhẩm. | - Nêu cách tính nhẩm. |
| - GV và HS nhận xét, tuyên dương. | - Nêu kết quả nối tiếp. |
- => Chốt cách ghi nhớ bảng chia 6.

Bài 2: Tính

- | | | |
|-----------------------------------|------------------|--|
| a. $54: 6 + 128$ | b. $60: 6 + 90$ | - XD yêu cầu của bài, nêu các bước thực hiện |
| $36: 6 \times 5$ | $24: 6 \times 4$ | |
| - GV yêu cầu HS thực hiện phần a. | | - Làm vào vở + Trình bày cách làm. |

* Khuyến khích HS làm nhanh có thể thực hiện cả hai phần a, b.

- GV chữa bài, nhận xét.

=> Củng cố về thứ tự thực hiện các phép tính trong một dãy tính có liên quan đến bảng chia 6.

Bài 3: Bà có 54 chiếc kẹo, bà chia đều cho 6 cháu. Hỏi mỗi cháu được chia bao nhiêu chiếc kẹo?

- GV yêu cầu HS đọc đề, phân tích cách làm theo cặp.

- GV và HS làm bài, chốt đáp án đúng:
Mỗi cháu được chia số kẹo là:

$$54 : 6 = 9 \text{ (cái kẹo)}$$

Đáp số: 9 cái kẹo.

=> Chốt cách giải toán có lời văn liên quan đến bảng chia 6.

* Bài 4: Tìm một số, biết rằng số đó nhân với 6 thì bằng 42 cộng với 6.

- GV chốt cách làm đúng:

Số đó nhân với 6 thì bằng:

$$42 + 6 = 48$$

Số đó là:

$$48 : 6 = 8$$

Đáp số: 8

=> Chốt cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính có liên quan đến bảng chia 6.

3. Vận dụng:

Bài 5: Dựa vào bảng chia 6, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.

- YC HS suy nghĩ lập đề toán.

- Gọi HS nêu đề toán.

- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC - HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.

4. Củng cố dặn dò:

- Một HS nêu lại bảng chia 6.

- HS đọc đề, phân tích cách làm theo cặp.

- HS làm bài vào vở.

- GV và HS chốt cách làm.

- Đọc đề, làm bài vào vở,

- Nêu cách làm trước lớp.

:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

- Một số HS nêu đề toán trước lớp.

- HS giải toán vào vở.

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Bảng chia 7

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về bảng chia 7, giải toán có phép tính chia trong bảng chia 7.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chia sẻ: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Bảng phụ ghi bài tập 2.

2. Học sinh: Vở ghi

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Khởi động:

+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.

+ Hướng dẫn HS ôn tập bảng chia 7:

- Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng chia 7

- HS đọc thuộc bảng chia 7

- HS nêu đặc điểm của bảng chia 7.

- HS hỏi đáp nhau về bảng chia 7.

- HS đọc thuộc bảng chia 7.

- Bảng chia 7: số bị chia là dãy số đếm thêm 7 đơn vị từ 7 đến 70, các số chia đều là 7, các thương là dãy số liên tiếp từ 7 đến 70.

- Nhận xét.

=> GV chốt KT: Bảng chia 7 số bị chia là dãy số đếm thêm 7 đơn vị từ 7 đến 70, các số chia đều là 7, các tích là dãy số liên tiếp từ 7 đến 70.

2. Luyện tập

Bài 1: Tính nhẩm

$$14 : 7 = \quad 56 : 7 = \quad 70 : 7 =$$

$$21 : 7 = \quad 63 : 7 = \quad 28 : 7 =$$

$$49 : 7 = \quad 7 : 7 = \quad 35 : 7 =$$

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.

- Gọi 1 HS lên bảng làm, ở dưới làm vào vở.

- Nhận xét, nêu cách làm.

=> GV chốt KT: Các phép tính BT1 là các phép chia trong bảng chia 7.

Bài 2: Tính (GV treo bảng phụ)

a. $42 : 7 \times 5$ b. $35 : 7 + 125$

c. $21 : 7 \times 0$

- Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài.

- Yêu cầu HS làm bài

- Nhận xét, nêu cách làm.

- HS nêu yêu cầu bài.

- HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.

- Nhận xét. HS nêu cách làm.

- HS nêu yêu cầu bài.

- HS làm bài

- HS giải thích cách tính

- Nhận xét.

=> GV chốt KT: Cũng có cách tính, lưu ý khi nhân với 0.

Bài 3: Cả 14 gái tìm chia đều cho 7 học sinh. Hỏi mỗi học sinh được mấy gái tìm?

- Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì?
- Có tất cả bao nhiêu gái tìm?
- Chia cho mấy học sinh?
- Muốn biết mỗi học sinh được mấy gái tìm ta làm phép tính gì?
- YC HS tự tóm tắt và trình bày bài giải vào vở.

- HS đọc đề.
- Có tất cả 14 gái tìm.
- Chia đều 7 học sinh.
- Làm phép tính chia.
- HS tóm tắt và trình bày bài giải vào vở.

14 gái tìm: 7 học sinh.

1 học sinh: ... gái tìm?

Bài giải

Mỗi học sinh được sè gái tìm là:

$$14 : 7 = 2 \text{ (gái tìm)}$$

Đáp số 2 gái tìm

- 1 HS lên bảng chữa bài, nhận xét.
- HS lập đề toán tương tự, giải.

=> GV chốt KT: Cũng cố giải toán có phép chia (trong bảng chia 7).

GD tính toán, tư duy, năng lực giải quyết vấn đề cho HS.

Bài *: Tìm một số, biết rằng lấy số đó nhân với 7 thì được kết quả là 50 trừ đi 15.

- Gọi HS nêu yêu cầu của bài.

- GV YC:

- YC 1 HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.

- GV + HS nhận xét.

=> Chốt đáp án đúng:

- HS nêu yêu cầu của bài.

- HS phân tích đề bài.

- 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài vào vở.

Bài giải

Số đó nhân với 7 thì được kết quả là 50 trừ đi 15. Vậy kết quả là 35.

Vậy số đó là: $35 : 7 = 5$

Đáp số: 5

3. Về nhà:

Bài 4: Dựa vào bảng chia 7, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.

- YCHS suy nghĩ lập đề toán.

- Gọi HS nêu đề toán.

- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.

- HS nêu yc.

- HS suy nghĩ lập đề bài.

- HS nêu đề toán, lớp nhận xét.

- HS tự giải bài toán.

- Nhận xét, đánh giá.

- HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn.

Tóm tắt

VD: Cả 42 cái kẹo chia đều cho 7 bạn.

Ờu vựo 7 hóp. Hái mựi hóp cũ mËy cũi cèc?

=> GV chốt KT: Để tìm số gấi t"m của mựi HS ta thực hiện phép tính chia (42 : 7)

4. Cũng cè, dÆn dß:

- HS đọc lại bảng chia 7
- Nhận xét tiết học.
- DẶn chuẩn bị bài sau: Bảng chia 8

42 cũi cèc : 7 hóp.

1 hóp : ... cũi cèc ?

Bài giải

Mựi hóp cũ sè cũi cèclà:

$$42 : 7 = 6 \text{ (cũi cèc)}$$

Đáp số: 6 cũi cèc.

- Nhiều HS đọc.

TOÁN (TẶNG)

Luyện tập: Gi¶m một số Ờimét sè lần

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Nhận biết được thế nào là gi¶m Ời một số lần.
- Biết được cách tìm và tìm được giá trị của một số khi gi¶m Ờimột số lần (Muốn gi¶m Ờimột số lần, ta lấy số đó chia cho số lần)
- Vận dụng quy tắc để giải quyết một số bài toán và tình huống gắn với thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Năng lực giao tiếp toán học thông qua hoạt động khám phá kiến thức mới và hoạt độnggiải quyết các bài toán.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên:

- Bảng phụ (bài 1; 3)

2. Học sinh:

- Vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Khởi động:

- Nêu ví dụ về bài toán gi¶m Ờimột số lần và thực hiện tính kết quả.

- Muốn gi¶m Ờimột số lần ta làm thế nào?

=> GV chốt KT: Muốn gi¶m Ờimột số lần ta lấy số đó chia cho số lần.

2. Luyện tập

- Thảo luận nhóm đôi.

- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả.

- Muốn gi¶m Ờimột số lần ta lấy số đó chia cho số lần.

- HS lắng nghe.

Bài 1:(BP): Viết số thích hợp vào bảng sau:

Số đã cho	24	30	36
Số $\frac{gi}{m}$ 6 lần số đã cho			

- Yêu cầu HS đọc, nêu y/c.
- GV gọi hs nêu quy tắc $\frac{gi}{m}$ @i một số lần.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân

=>GV chốt KT:Muốn $\frac{gi}{m}$ @i một số lần ta lấy số đó chia cho số lần.

Bài 2: Viết theo mẫu:

M: $\frac{Gi}{m}$ 20kg @i 5 lần ta được: $20: 5 = 4$ (kg)

- $\frac{Gi}{m}$ 40 m @i 5 lần ta được:.....
- $\frac{Gi}{m}$ 30l @i 6 lần ta được:.....
- $\frac{Gi}{m}$ 35 phút @i 5 lần ta được:.....
- $\frac{Gi}{m}$ 30 tuổi @i 5 lần ta được:.....

- Yêu cầu HS làm bài các nhân vào vở.
 - Muốn $\frac{gi}{m}$ @i một số lần ta làm thế nào?
- => GV chốt KT:Muốn $\frac{gi}{m}$ @i một số lần ta lấy số đó chia cho số lần.

Bài 3(BP): Bao thứ nhất đựng 36 kg gạo, $\frac{gi}{m}$ bao thứ nhất @i 4 l @nth× @ic sẽ g¹o cñabao thứ hai. Hỏi bao thứ hai đựng bao nhiêu kilôgam gạo?

- Yêu cầu tóm tắt bài toán.
- Bài toán thuộc dạng toán nào? Ta làm phép tính nào?
- Yêu cầu làm bài.
- GV cùng HS nhận xét, chốt kq đúng.

- Em nào có câu trả lời khác

=>GV chốt KT:Bài toán thuộc dạng

$\frac{Gi}{m}$ một số @i mét sè lần

3.Vận dụng

Bài 4 (BP): Bụ cã 50 qu $\frac{1}{2}$ trờng, sau khi @em b_n th× sè trờng $\frac{gi}{m}$ @i 5 l $\frac{1}{2}$ n. Hái bụ cñn l¹i bao nhiêu qu $\frac{1}{2}$ trờng?

- Gọi HS đọc đề toán
 - Yêu cầu HS hỏi đáp theo cặp
- +Bụ cã bao nhiêu qu $\frac{1}{2}$ trờng?
- + Sau khi @em b_n th× sè trờng $\frac{gi}{m}$ @i mÊy l $\frac{1}{2}$ n?

- HS đọc, nêu y/c.
- HS trả lời:Muốn $\frac{gi}{m}$ @i một số lần, ta lấy số đó chia cho số lần
- 1HS lên bảng làm, lớp làm nháp.
- Lớp nhận xét, chốt kết quả đúng.

- HS làm bài cá nhân, chữa bài, đối chiếu bài với bạn.
- HS nêu

- HS đọc đề
 - HS tóm tắt bài toán.
 - Phân tích bài toán theo cặp.
 - $\frac{Gi}{m}$ @i một số lần. Làm tính chia.
 - 1HS lên bảng giải, lớp làm bài vào vở.
- Đápsố:9 kg gạo.
- HS nêu

- 2 HS đọc đề toán

- Trao đổi bài theo cặp
- + Bụ cã 50 qu $\frac{1}{2}$ trờng
- + Sau khi @em b_n th× sè trờng $\frac{gi}{m}$ @i 5 l $\frac{1}{2}$ n

+Muốn tính bự cón l'i bao nhiêu qu¶ trøng?

ta làm thế nào?

- Yêu cầu HS làm bài
- Chữa bài, nhận xét

- Gọi HS nêu câu trả lời khác

=> GV chốt KT: Bài toán thuộc dạng

Gi¶m một số @imét sè lần

4. Củng cè, dÆn dß:

- Muốn gi¶m một số @imét sè lần ta làm thế nào?
- Về đọc thuộc lại các bảng nhân, chia đã học.

+Ta lấy $50 : 5$

- HS giải vào vở, 1 HS làm bảng lớp.

Bài giải

Bự cón l'i sè qu¶ trøng là:

$$50 : 5 = 10 \text{ (qu¶ trøng)}$$

Đáp số: 10qu¶ trøng

HS nêu câu lời giải khác (Số qu¶ trøng cón l'ì là)

TUẦN 8

TOÁN (tăng)

Luyện tập bảng chia 8

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Vận dụng Bảng chia 8 để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gần với thực tiễn.

2. Năng lực.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học
- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và vở ghi..

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động:

- | | |
|---|---------------------------------------|
| - GV yêu cầu HS đọc nối tiếp bảng chia 8. | - Đọc nối tiếp bảng chia 8 trước lớp. |
| - GV hỏi HS một số phép tính trong | - HS nêu kết quả. |

bảng chia 8.

- GV hỏi HS về cách lập bảng chia 8.

2. Luyện tập:

Bài 1:

- GV yêu cầu mỗi HS nêu 1 phép chia trong bảng chia 8.

- GV ghi các phép tính lên bảng.

- GV thêm yêu cầu để được yêu cầu của bài 1: Tính nhẩm.

- GV và HS nhận xét, tuyên dương.

=> Chốt cách ghi nhớ bảng chia 8.

Bài 2: Tính

a. $48 : 8 + 128$

b. $80 : 8 + 209$

$40 : 8 \times 135$

$32 : 8 \times 4$

- GV yêu cầu HS thực hiện phần a.

* Khuyến khích HS làm nhanh có thể thực hiện cả hai phần a, b.

- GV chữa bài, nhận xét.

=> Củng cố về thứ tự thực hiện các phép tính trong một dãy tính có liên quan đến bảng chia 8.

Bài 3: Có 56 kg gạo chia đều vào 8 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- GV yêu cầu HS đọc đề, phân tích cách làm theo cặp.

- GV và HS làm bài, chốt đáp án đúng:

Mỗi túi có số ki-lô-gam gạo là:

$$56 : 8 = 7 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 7 kg gạo.

=> Chốt cách giải toán có lời văn liên quan đến bảng chia 8.

3. Vận dụng:

Bài 5: Dựa vào bảng chia 8, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.

- YC HS suy nghĩ lập đề toán.

- Gọi HS nêu đề toán.

- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC - HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.

4. Củng cố dặn dò:

- Một HS nêu lại bảng chia 8.

- Dựa vào đồ dùng trực quan; dựa vào bảng nhân 8.

- HS nêu phép tính nối tiếp.

- Nêu cách tính nhẩm.

- Nêu kết quả nối tiếp.

- XD yêu cầu của bài, nêu các bước thực hiện

- Làm vào vở + Trình bày cách làm.

- HS đọc đề, phân tích cách làm theo cặp.

- HS làm bài vào vở.

- GV và HS chốt cách làm.

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

- Một số HS nêu đề toán trước lớp.

- HS giải toán vào vở.

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Bảng chia 9

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về bảng chia 9, giải toán có phép tính chia trong bảng chia 9.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chia sẻ: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Bảng phụ ghi bài tập 2.

2. Học sinh: Vở ghi

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Khởi động:

+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.

+ Hướng dẫn HS ôn tập bảng chia 9:

- Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng chia 9

- HS đọc thuộc bảng chia 9

- HS nêu đặc điểm của bảng chia 9?

- HS hỏi đáp nhau về bảng chia 9.

- HS đọc thuộc bảng chia 9.

- Bảng chia 9: số bị chia là dãy số đếm thêm 9 đơn vị từ 9 đến 90, các số chia đều là 9, các thương là dãy số liên tiếp từ 9 đến 90.

- Nhận xét.

=>GV chốt KT: Bảng chia 9 số bị chia là dãy số đếm thêm 9 đơn vị từ 9 đến 90, các số chia đều là 9, các tích là dãy số liên tiếp từ 9 đến 90.

2. Luyện tập

Bài 1: Tính nhẩm

$$18 : 9 = \quad 27 : 9 = \quad 90 : 9 =$$

$$36 : 9 = \quad 72 : 9 = \quad 45 : 9 =$$

$$81 : 9 = \quad 9 : 9 = \quad 63 : 9 =$$

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.

- Gọi 1 HS lên bảng làm, ở dưới làm vào vở.

- Nhận xét, nêu cách làm.

=>GV chốt KT: Các phép tính BT1 là các phép chia trong bảng chia 9.

Bài 2: Tính (GV treo bảng phụ)

$$a. 72 : 9 \times 6 \quad b. 54 : 9 \times 5$$

$$45 : 9 + 127 \quad 36 : 9 + 276$$

- Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài.

- HS nêu yêu cầu bài.

- HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.

- Nhận xét. HS nêu cách làm.

- HS nêu yêu cầu bài.

- Yêu cầu HS làm bài
- Nhận xét, nêu cách làm.

=> GV chốt KT: *Củng cố cách tính: thực hiện phép chia trừ.*

Bài 3: Cãi 45kg gạo chia vào 5 gói, mỗi gói cãi 9kg. Hỏi cãi bao nhiêu gói?

- Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì?
- Có tất cả bao nhiêu kg gạo?
- Chia cho mỗi gói mấy kg?
- Muốn biết cãi bao nhiêu gói ta làm phép tính gì?
- YC HS tự tóm tắt và trình bày bài giải vào vở.

=> GV chốt KT: *Củng cố giải toán có phép chia (trong bảng chia 9).*

Bài *: Năm nay bạn 63 tuổi, giờ em 9 lần tuổi bạn bớt 2 tuổi thì bằng tuổi chị. Hỏi năm nay chị bao nhiêu tuổi?

- Gọi HS nêu yêu cầu của bài.
- GV YC:
- YC 1 HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.
- GV + HS nhận xét.
- => Chốt đáp án đúng:

Cách 1: Năm nay chị sẽ
tuổi là:
 $63 : 9 - 2 = 5$ (tuổi)
Số sẽ: 5 tuổi

3. Về nhà:

- Bài 4: Dựa vào bảng chia 9, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.
- YCHS suy nghĩ lập đề toán.

- HS làm bài
- HS giải thích cách tính
- Nhận xét.

- HS đọc đề.
- Có tất cả 45kg gạo
- Chia cho mỗi gói 9kg.
- Làm phép tính chia.
- HS tóm tắt và trình bày bài giải vào vở.

45kg: 9kg.

45kg: ... gói?

Bài giải

Cãi sẽ gói là:

$45 : 9 = 5$ (gói)

Đáp số: 5 gói

- 1 HS lên bảng chữa bài, nhận xét.
- HS lập đề toán tương tự, giải.

- HS nêu yêu cầu của bài.
- HS phân tích đề bài.
- 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài vào vở.

Cách 2: Giờ em 9 lần tuổi bạn là:
 $63 : 9 = 7$ (tuổi)

Năm nay chị sẽ tuổi là:

$7 - 2 = 5$ (tuổi)

Số sẽ: 5 tuổi.

- HS nêu yc.
- HS suy nghĩ lập đề bài.

- Gọi HS nêu đề toán.
- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.

VD: Cã 54 c_ũi cèc ®íc xÕp ®Òu vµo 9 hóp. Hái mçi hóp cã mÊy c_ũi cèc?

=> GV chốt KT: Để tìm số gãi t_{ìm} của mçi HS ta thực hiện phép tính chia (54: 9)

4. Cñng cè, dÆn dß:

- HS đọc lại bảng chia 9
- Nhận xét tiết học.

- HS nêu đề toán, lớp nhận xét.
- HS tự giải bài toán.
- Nhận xét, đánh giá.

- HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn.

Tóm tắt

54 c_ũi cèc : 9 hóp.

1 hóp : ... c_ũi cèc ?

Bài giải

Mçi hóp cã sè c_ũi cèclà:

$54 : 9 = 6$ (c_ũi cèc)

Đáp số: 6 c_ũi cèc.

- Nhiều HS đọc.

TUẦN 9

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Một phần hai. Một phần tư

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết (thông qua hình ảnh trực quan) về “một phần hai”, “một phần tư”. Biết đọc, viết: $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{4}$

- Tạo thành “một phần hai”, “một phần tư” thông qua thao tác thực hành gấp giấy
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bảng phụ, phiếu học tập.
2. Học sinh: vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

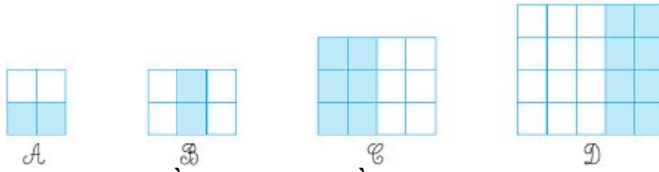
1. Khởi động:

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. | - HS tham gia trò chơi

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập

Bài 1: Khoanh vào chữ cái dưới hình đã được tô màu $\frac{1}{2}$ hình.



- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- Yêu cầu HS quan sát các hình và xác định hình nào đã được tô màu $\frac{1}{2}$ hình.

- GV và HS chốt đáp án: A, C

=> củng cố cách tìm $\frac{1}{2}$ hình của một hình.

Bài 2: Có 28 quả táo chia thành 4 phần bằng nhau. Vậy $\frac{1}{4}$ số quả táo là.....quả táo.

- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm bài
- GV + HS chữa bài.

=> củng cố cách tìm một phần mấy của một số.

Bài 3: Có 20l mật ong chia đều vào 2 can. Hỏi mỗi can có mấy lít mật ong?

- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm bài
- GV + HS chữa bài.
- GV + HS nhận xét.
- củng cố cách giải bài toán có lời văn.

3. Vận dụng

Bài 4: Chị có 12 quả táo, chị cho em $\frac{1}{4}$ số táo đó. Hỏi chị cho em bao nhiêu quả táo?

- Yêu cầu HS đọc thầm bài toán và thảo luận theo nhóm 2.
- + Bài toán cho biết gì?
- + Bài toán hỏi gì?
- + Muốn biết chị cho em bao nhiêu quả táo ta làm như thế nào?
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.
- GV + HS chữa bài, nhận xét.
- Chốt cách giải bài toán có lời văn.

4. Củng cố dặn dò

- GV nhận xét tiết học, dặn HS về nhà xem lại

- HS lắng nghe.

- HS đọc yêu cầu.
- HS quan sát và xác định hình đã tô màu $\frac{1}{2}$ hình.
- HS làm cá nhân vào PHT + giải thích cách làm.
- HS lắng nghe

- HS đọc yêu cầu
- HS làm bài.
- HS chữa bài và giải thích cách làm.
- HS lắng nghe

- HS đọc yêu cầu
- HS làm bài vào vở.
- HS chữa bài.
- HS nhận xét.

- HS đọc thầm yêu cầu
- HS thảo luận nhóm 2.
- HS trả lời.

- HS làm bài vào vở..
- 1 HS làm bảng lớp + chữa bài.
- HS lắng nghe.

bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập về một phần ba, một phần năm, một phần sáu

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết (thông qua hình ảnh trực quan) về “một phần ba”, “một phần năm”, “một phần sáu”. Biết đọc $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{5}$; $\frac{1}{6}$
- Vận dụng nội dung đã học đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bảng phụ, phiếu học tập.
2. Học sinh: vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động:

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập

Bài 1: Hình được tô màu $\frac{1}{3}$ hình là:



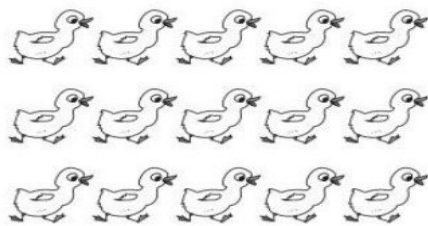
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- Yêu cầu HS quan sát các hình và xác định hình nào đã được tô màu $\frac{1}{3}$ hình.
- GV chốt đáp án: B

=> Củng cố cách tìm $\frac{1}{3}$ hình của một hình.

- HS tham gia trò chơi
- HS lắng nghe.

- HS đọc yêu cầu.
- HS quan sát và xác định hình đã tô màu $\frac{1}{3}$ hình.
- HS làm cá nhân vào PHT và giải thích cách làm.
- HS lắng nghe

Bài 2: $\frac{1}{5}$ số con vịt trong hình là:



- A. 3 con vịt B. 4 con vịt
C. 5 con vịt D. 6 con vịt

- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu HS quan sát hình vẽ.
- Yêu cầu HS làm bài
- GV + HS chữa bài.
- GV chốt đáp án đúng: A
- => củng cố cách tìm $\frac{1}{5}$ hình của một hình.

Bài 3: Tìm

- a, $\frac{1}{3}$ của 15l ; 18kg; 21 cm
b, $\frac{1}{5}$ của 25m; 45dm; 30 giờ
c, $\frac{1}{6}$ của 36l; 12cm; 54 phút

- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm bài
- GV + HS chữa bài.
- GV + HS nhận xét.
- Củng cố cách tìm $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{5}$; $\frac{1}{6}$ của một số.

3. Vận dụng

Bài 4*: Một đoàn thể thao có 45 vận động viên, trong đó có $\frac{1}{5}$ số vận động viên nữ. Hỏi đoàn thể thao đó có bao nhiêu vận động viên nữ?

- Yêu cầu HS đọc thầm bài toán và thảo luận theo nhóm 2.

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

+ Muốn biết có bao nhiêu vận động viên nữ ta làm như thế nào?

- Yêu cầu HS làm bài vào vở.
- GV + HS chữa bài, nhận xét.
- Chốt cách giải bài toán có lời văn.

4. Củng cố dặn dò

- GV nhận xét tiết học, dặn HS về nhà xem lại bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

- HS đọc yêu cầu
- HS quan sát
- HS làm bài.
- HS chữa bài.

- HS lắng nghe

- HS đọc yêu cầu
- HS làm bài vào vở.
- HS chữa bài.
- HS nhận xét.

- HS đọc thầm yêu cầu
- HS thảo luận nhóm 2.
- HS trả lời.

- HS làm bài vào vở..
- 1 HS làm bảng lớp + chữa bài.
- HS lắng nghe.

Luyện tập về một phần bảy, một phần tám, một phần chín

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết (thông qua hình ảnh trực quan) về “một phần bảy”, “một phần tám”, “một phần chín”. Biết đọc $\frac{1}{7}$; $\frac{1}{8}$; $\frac{1}{9}$
- Vận dụng nội dung đã học đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bảng phụ, phiếu học tập.
2. Học sinh: vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

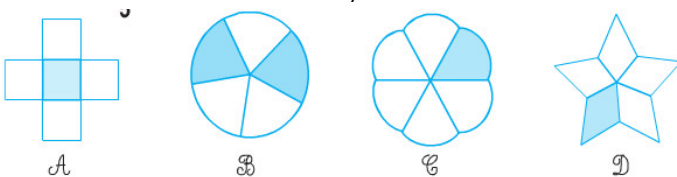
1. Khởi động:

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

- HS tham gia trò chơi
- HS lắng nghe.

2. Luyện tập

Bài 1: Hình đã tô màu $\frac{1}{7}$ hình là:



- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- Yêu cầu HS quan sát các hình và xác định hình nào đã được tô màu $\frac{1}{7}$ hình.

- HS đọc yêu cầu.
- HS quan sát và xác định hình đã tô màu $\frac{1}{7}$ hình.
- HS làm cá nhân vào PHT + giải thích cách làm.
- HS lắng nghe

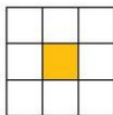
- GV và HS chốt đáp án: C

=> Củng cố cách tìm $\frac{1}{7}$ hình của một hình.

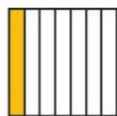
Bài 2: Các hình dưới đây đã được tô màu một phần mấy hình?



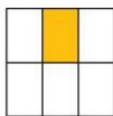
A



B



C



D

A:	B:	C:	D:
----	----	----	----

- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu HS quan sát hình vẽ.
- Yêu cầu HS làm bài
- GV + HS chữa bài.
- GV chốt đáp án đúng.
- => củng cố cách tìm một phần mấy của một hình.

Bài 3: Tìm

- a, $\frac{1}{7}$ của 21l ; 35kg; 56cm
- b, $\frac{1}{8}$ của 24m; 40dm; 72 giờ
- c, $\frac{1}{9}$ của 36l; 18cm; 54 phút

- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm bài
- GV + HS chữa bài.
- GV + HS nhận xét.
- Củng cố cách tìm $\frac{1}{7}$; $\frac{1}{8}$; $\frac{1}{9}$ của một số.

3. Vận dụng

Bài 4: Bác Tám vừa mua 56 con thỏ và dự định làm chuồng cho chúng. Mỗi chuồng bác tính nuôi 8 con thỏ. Hỏi bác Tám cần làm mấy cái chuồng thỏ?

- Yêu cầu HS đọc thầm bài toán và thảo luận theo nhóm 2.
- + Bài toán cho biết gì?
- + Bài toán hỏi gì?
- + Muốn biết bác Tám cần làm mấy cái chuồng thỏ ta làm như thế nào?
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.
- GV + HS chữa bài, nhận xét.
- Chốt cách giải bài toán có lời văn.

4. Củng cố dặn dò

- GV nhận xét tiết học, dặn HS về nhà xem lại bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

- HS đọc yêu cầu
- HS quan sát
- HS làm bài.
- HS chữa bài.

- HS lắng nghe

- HS đọc yêu cầu
- HS làm bài vào vở.
- HS chữa bài.
- HS nhận xét.

- HS đọc thầm yêu cầu
- HS thảo luận nhóm 2.
- HS trả lời.

- HS làm bài vào vở..
- 1 HS làm bảng lớp + chữa bài.
- HS lắng nghe.